TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 227/2023/DS-PT
Ngày: 04-7-2023
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Trịnh Thị Phúc

Các Thẩm phán Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Bà Trần Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 6 và ngày 04 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2023/TLPT-DS ngày 17 tháng 5 năm 2023 về việc "tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1981;

Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Long An, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Thành Đ: Bà Nguyễn Kim Đ, sinh năm 1961; Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

(Theo giấy ủy quyền ngày 03/6/2022)

- *Bị đơn:* Ông Võ Văn H, sinh năm 1960;

Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962 (vợ ông H);

Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Long An

2. Anh Võ Hoàng L, sinh năm 1984;

3. Anh Võ Thanh T, sinh năm 1988;

Người đại diện ủy quyền của anh Võ Hoàng L, anh Võ Thanh T: Ông Võ Văn H, sinh năm 1960 (Theo giấy ủy quyền ngày 06/3/2023);

4. Anh Võ Toàn N, sinh năm 1989;

Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

(bà Đ, ông H, bà T, anh Nghĩa có mặt)

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn ông Nguyễn Thành Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Thành Đ do bà Nguyễn Kim Đ đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Nguyễn Thành Đ căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Bội sinh năm 1933, đứng tên thửa đất 910, diện tích 2.478m^2, loại đất thổ được Ủy ban nhân dân huyện Cần Giuộc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/12/1996. Ông Bội chết năm 2009. Ngày 06/02/2020, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần Giuộc đã cập nhật trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Bội là để thừa kế cho ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1981, địa chỉ ấp 3, xã Phước Vĩnh Tây, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An diện tích còn lại 835m^2 thửa đất 910 (PCL), tờ bản đồ số 3.

Căn cứ trích đo địa chính ngày 04/11/2022, do ông Đ đã chỉ ranh phần đất tranh chấp với gia đình ông Võ Văn H vì vậy bà Đ yêu cầu ông H, bà T, các người con của ông H, bà T là Võ Hoàng L, Võ Thanh T và Võ Toàn N trả lại cho ông Đ phần đất có tổng diện tích là 402m^2, loại đất ONT, tờ bản đồ số 6, đất tại ấp 3, xã Phước Vĩnh Tây, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. Trong đó thửa 911, ông H phải trả 94m^2, thửa 2427 anh Võ Toàn N phải trả 100m^2, thửa 2425 anh Võ Thanh T phải trả 103m^2, thửa 2426 anh Võ Hoàng L phải trả 105m^2, do các thửa đất 2425, 2426 và 2427 tách ra từ thửa đất 911 của ông H. Vì thế khi kiện ông Đ chỉ khởi kiện đối với ông Võ Văn H, ông Đ cũng không biết ông H tách thửa đất 911 cho các người con từ lúc nào khi có trích đo địa chính thì ông Đ mới biết ông H đã tách đất cho các người con.

Bà Nguyễn Kim Đ đại diện cho ông Đ đồng ý với giá đất tại biên bản định giá ngày 23/6/2022 của Hội đồng định giá, theo đó phần đất tranh chấp có giá là 7.000.000 đồng/m^2. Tổng giá trị vật kiến trúc trên đất tranh chấp là 39.979.498 đồng, cây trồng trên phần đất tranh chấp định giá là 22.231.000 đồng. Vị trí diện tích phần đất tranh chấp theo trích đo địa chính số 164 ngày 04/11/2022.

Căn cứ ông Đ yêu cầu ông Võ Văn H và các người con trả đất: Khoảng năm 1993 ông Nguyễn Văn Bội là cha ông Đ có cho đất ông Nguyễn Văn Thành là cha vợ của Võ Văn H, cho diện tích 625m^2 đất lúa, không làm giấy tờ, chỉ nói miệng, thời điểm này ông Bội chưa đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lúc đầu ông Bội có lấy lúa được 02 năm, mỗi năm 03 giạ lúa rồi đến năm 1995 ông Bội cho luôn không lấy lúa nữa. Từ năm 1976, ông Thành và ông Bội là thông gia. Con ông Thành là ông Nguyễn Văn Điệt cưới con ông Bội là bà Nguyễn Kim Thu hiện nay vợ chồng vẫn sống chung. Theo bà Đ, diện tích đất ông Bội cho ông Thành là

625m^2 để cấy lúa, ông Thành sử dụng đúng diện tích 625m^2, nhưng khi ông Thành chết, con rể ông Thành là ông Võ Văn H sử dụng rồi ông H lấn đất của ông Bội. Ông Đ biết ông H lấn đất nhưng xác định ngày tháng năm nào không nhớ. Con đường đê ấp 3, xã Phước Vĩnh Tây, huyện Cần Giuộc có sử dụng một phần thửa đất 910 hay không ông Đ không biết nhưng ông Đ kiện yêu cầu ông H, vợ và các con trả đất cho ông Đ có vị trí đối diện thửa đất 910 của ông Đ cách đường đê ấp 3 rộng 09m.

Bị đơn ông Võ Văn H trình bày:

Ông H, vợ và các người con của ông H đều đồng ý với vị trí, diện tích thửa đất 911 và các thửa đất tách ra từ thửa 911 theo trích đo địa chính số 164 ngày 04/11/2022 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Hưng Phú được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần Giuộc duyệt.

Về giá đất thuộc thửa 911, cây trồng trên đất, vật kiến trúc trên đất ông H, bà T, anh Nghĩa thống nhất tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản định giá ngày 23/6/2022.

Về yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành Đ do bà Nguyễn Kim Đ đại diện đòi bên ông H phải trả diện tích 402m^2 ONT, ông H không đồng ý. Thửa đất 911 ông H đứng tên không giáp ranh và không liên quan đến thửa 910 của ông Đ, do mở rộng đường đê ấp 3 nên cả 02 thửa đất 910 và 911 đều mất đất. Ông H và các người con đang sử dụng thửa đất 911, ông H không lấn chiếm đất hay có hành vi làm ảnh hưởng đến thửa đất 910 mà ông Đ quản lý sử dụng, do đó ông H, vợ và các con không đồng ý với yêu cầu của ông Đ.

Nguồn gốc thửa đất 911 của ông Nguyễn Văn Thành là cha vợ ông H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1996. Năm 2001 ông Thành chuyển nhượng cho ông H thửa đất 911, ông H quản lý sử dụng đến 2008 mới tách thửa ra cho các người con.

Ông H xác định ông chỉ sử dụng thửa đất 911, không lấn đất của ông Bội như bên ông Đ khai, từ chỗ không có lấn đất nên ông H không đồng ý trả đất. Trong Mảnh trích đo địa chính có thể hiện ranh giới thửa đất 911 và 910, hơn nữa giữa 02 thửa đất hiện tại là đường đê ấp 3, xã Phước Vĩnh Tây, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. Ông Đ kiện không phải kiện một phần thửa đất 910 mà đi kiện thửa đất 911 là thửa đất của ông H và các con ông H đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Nguyễn Thị T vợ ông H không đồng ý yêu cầu của ông Đ thống nhất lời trình bày của ông H, không bổ sung và cũng không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Anh Võ Toàn N là con của ông H đang đứng tên thửa đất 2427 diện tích đất mà ông Đ tranh chấp là 100m^2 là một phần thửa đất 2427, anh Nghĩa không đồng ý trả cho anh Đức 100m^2 loại đất ONT.

Ông H còn đại diện cho 02 người con Võ Hoàng L và Võ Thanh T không đồng ý trả cho ông Đ phần đất 208m^2 đất ONT là một phần thửa đất 2425 diện tích 103m^2 và thửa đất số 2426, diện tích 105m^2.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 16 tháng 3 năm 2023, Toà án nhân dân huyện Cần Giuộc đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành Đ do bà Nguyễn Kim Đ đại diện đòi ông Võ Văn H, bà Nguyễn Thị T trả cho ông Nguyễn Thành Đ 94m^2 đất thuộc một phần thửa đất 911; Anh Võ Toàn N trả cho ông Nguyễn Thành Đ diện tích 100m^2 đất ONT thuộc một phần thửa đất 2427; Anh Võ Hoàng L trả cho ông Nguyễn Thành Đ diện tích 103m^2 đất ONT thuộc một phần thửa đất 2425 và anh Võ Thanh T trả cho ông Nguyễn Thành Đ 105m^2 đất thổ thuộc một phần thửa đất 2426. Tổng diện tích là 402m^2 đất ONT, các thửa đất 2427, 2425 và 2426 được tách ra từ thửa đất 911, tờ bản đồ số 3, đất tại ấp 3, xã Phước Vĩnh Tây, huyện Cần Giuộc. tỉnh Long An.

2. Chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Thành Đ phải chịu chi phí tố tụng là 18.200.000 đồng, chi phí này ông Đ đã nộp đủ và chi xong.

3. Án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Thành Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Thành Đ đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004631 ngày 16/6/2022 được chuyển sang án phí.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và hướng dẫn thi hành án.

Bản án sơ thẩm chưa có hiệu lực.

Ngày 24/3/2023 nguyên đơn ông Nguyễn Thành Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Phần tranh luận:

Bà Nguyễn Kim Đ là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đ trình bày: Nguồn gốc đất là của ông Cố để lại cho ông Bội là cha của ông bà và ông Đ. Trước năm 1975 ông Bội cho ông Thành là cha của ông H phần đất 625m^2 để ở, việc ông Bội cho ông Thành 625m^2 đất chỉ nói miệng chứ không làm giấy tờ gì. Việc ông Thành được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1933m^2 ông Bội không biết. Do vậy, phần đất còn lại không phải của ông Thành mà là của ông Bội, do đó bà yêu cầu ông H trả lại cho ông Đ phần đất trên. Căn cứ ông Đ yêu cầu ông H và các con ông H trả đất là ông Bội chỉ cho ông Thành 625m^2 đất, nhưng ông Thành đã đăng ký nhiều hơn nêu yêu cầu trả lại.

Bị đơn ông Võ Văn H trình bày: về nguồn gốc đất ông H không biết ông Thành có từ đâu, tuy nhiên từ năm 1982 ông H và bà T đã về sống chung với ông Thành trên thửa đất 911. Năm 1996 ông Thành được cấp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lúc đó không đo thực tế. Quá trình ông Thành và vợ chồng ông H bà T sử dụng đất ổn định từ năm 1983 bên ông H đã trồng cây, xây hàng rào, đổ bê tông làm đường đi và nuôi cá trên phần đất ao cập đường đê không ai tranh chấp, ngăn cản. Năm 2001 khi mở rộng đường đê chiều ngang 9m thì bên UBND xã có đến nhà ông H vận động hiến đất để mở rộng đường đê bên đất ông H thửa 911, còn phần bên kia đường đê thửa 910 thì vận động bên ông Bội, lúc đó ông Bội

còn sống (ông Bội chết năm 2009). Nếu thực tế đất của ông Bội và ông Bội chỉ cho ông Thành có 625m^2 đất thì tại sao lúc còn sống và sau khi mở rộng đường đê ấp 3 ông Bội không khởi kiện, không tranh chấp. Đến năm 2020 khi ông H san lắp phần ao cặp đường đê (phần ao này ông H nuôi cá cặp đường đê và trồng cây, xây tường rào thì bà Đ (chị ông Đ) và ông Đ nói là đất của ông Bội để lại nên nhổ cây và phát sinh tranh chấp. Phần đất tranh chấp bên ông Đ nói có trồng lá dừa nước là không đúng thực tế, ông Bội và sau khi ông Bội chết, bên ông Bội, ông Đ không sử dụng phần đất này. Do đó, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Đ.

Ông Võ Toàn N trình bày: Năm 1996 ông Thành và ông Bội đều được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu, lúc đó giữa thửa đất 910 của ông Bội và thửa 911 của ông Thành cách nhau bởi đường đê rộng 1,5m, đến năm 2001 nhà nước và nhân dân cùng mở rộng đường đê ấp 3 thì đất của ông Bội và ông Thành (ông H) đều mất vào việc mở rộng đường đê, ông Đ cho rằng sau khi mở rộng đường đê thì thửa 910 vẫn còn bên kia đường đê là không đúng. Gia đình ông H đã sử dụng đất ổn định, đào ao nuôi cá, trồng cây, xây hàng rào bao quanh thửa đất ra tới mép lộ thì bên ông Bội không ngăn căn gì, đến năm 2022 khi ông H tiến hành xây tường rào kiên cố mặt trước tiếp giáp đường đê thì bên ông Đ - con ông Bội mới tranh chấp.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về chấp hành pháp luật: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Đ đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

Xét kháng cáo của ông Đ thấy rằng phần đất ông Đ tranh chấp yêu cầu ông H, vợ và các con phải trả thì phần đất này ông Đ không sử dụng mà do bên ông H sử dụng ổn định lâu dài, phần đất này thuộc một phần thửa 911 do ông Thành (cha vợ ông H) được cấp giấy ngày 11/12/1996. Thửa 910 của ông Bội cũng được cấp giấy ngày 11/12/1996. Ông Đ cho rằng trước đây ông Bội chỉ cho ông Thành 625m^2 đất để cấy lúa, nhưng hiện nay biết được ông H được cấp giấy thửa 911 diện tích 1933m^2 nên cho rằng ông H sử dụng đất của ông Đ (được ông Bội để thừa kế lại) nên yêu cầu trả lại. Nguyên đơn trình bày ông Bội chỉ cho ông Thành 625m^2 nhưng không có chứng cứ, tài liệu chứng minh quá trình sử dụng đất tranh chấp. Đất tranh chấp do ông H sử dụng, hiến đất làm đường đê ấp 3, nuôi cá, trồng cây, xây dựng hàng rào ra tới mí đường đê không có ai tranh chấp ngăn cản. Do đó, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Đ đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thành Đ yêu cầu ông Võ Văn H, vợ Nguyễn Thị T và các con của ông H phải lại cho ông Đ phần đất có diện tích

402m^2, cụ thể ông H, bà T trả cho ông Đ 94m^2 đất thuộc một phần thửa đất 911; anh Võ Toàn N trả cho ông Nguyễn Thành Đ diện tích 100m^2 đất ONT thuộc một phần thửa đất 2427; anh Võ Hoàng L trả cho ông Nguyễn Thành Đ diện tích 103m^2 đất ONT thuộc một phần thửa đất 2425 và anh Võ Thanh T trả cho ông Nguyễn Thành Đ 105m^2 đất thổ thuộc một phần thửa đất 2426, đất tại ấp 3, xã Phước Vĩnh Tây, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. Xét thấy:

[2.1] Nguyên đơn ông Đ trình bày nguồn gốc thửa đất 911 của ông Thành - cha vợ ông H là được ông Bội cho nhưng chỉ cho ông Thành có 625m^2 để cấy lúa. Ông H không thừa nhận lời trình bày trên của ông Đ, ông Đ không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh nguồn gốc thửa đất 911 là của ông Bội cho ông Thành. Theo tờ tường trình và giấy xác nhận của ông Nguyễn Văn Minh và ông Nguyễn Văn Điệt trình bày ông Bội có cho ông Thành 01 công đất nhỏ là 625m^2 để cấy lúa. Ông H, bà T lấn đất của ông Bội nên diện tích nhiều hơn, ngoài lời trình bày của ông Điệt, ông Minh thì không có giấy tờ khác để chứng minh, trong khi thửa đất 911 ông Thành được cấp giấy chứng nhận quyền sử đất là đất thổ, không phải đất lúa nên lời trình bày của nguyên đơn ông Đ, ông Minh, ông Điệt và không phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Thành được Ủy ban nhân dân huyện Cần Giuộc cấp năm 1996 đối với thửa 911, diện tích 1.933m^2, loại đất thổ. Do đó, nguyên đơn cho rằng 625m^2 thuộc một phần thửa đất 911 là của ông Bội cho ông Thành, phần còn lại do ông Thành và ông H lấn đất của ông Bội là không có căn cứ.

[2.2] Ngày 11/12/1996 Ủy ban nhân dân huyện Cần Giuộc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Bội đối với 06 thửa đất, tổng diện tích là 20.769m^2, trong đó có thửa đất 910 thuộc tờ bản đồ số 3, diện tích là 2.478m^2 đất thổ. Cùng ngày 11/12/1996, ông Nguyễn Văn Thành là cha vợ của ông H cũng được Ủy ban nhân dân huyện Cần Giuộc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm 03 thửa đất, tổng diện tích sử dụng là 11.883m^2 trong đó có thửa đất 911, tờ bản đồ số 3, diện tích là 1.933m^2 loại đất thổ thuộc tại ấp 3, xã Phước Vĩnh Tây, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. Thửa đất 910 và thửa đất 911 theo trích lục bản đồ địa chính gần kề nhau được ngăn cách bởi đường đê ấp 3. Theo lời trình bày của các đương sự tại thời điểm cấp giấy (năm 1996) đường đê ấp 3 rộng khoảng 1,5m. Đến năm 2001 khi mở rộng đường đê ấp 3 từ 1,5m lên thành 9m thì cả 02 thửa đất 910 và 911 đều bị mất đất do mở đường. Căn cứ vào mảnh trích đo địa chính thì diện tích thửa 911 được sử dụng làm đường nhiều hơn thửa 910.

[2.3] Quá trình sử dụng đất ông Bội đã nhiều lần chuyển nhượng một phần thửa đất 910 cho nhiều người khác và được tách thành các thửa 3079, 2221, 2218, 2220, 2222, 2219 đều có đo đạc thực tế. Khi tách thửa đều xác định cạnh Bắc của thửa 910 và các thửa đất mới được tách ra đều xác định cạnh Bắc tiếp giáp với đường đê ấp 3. Như vậy, lúc ông Bội còn sống đã xác định thửa đất 910 của ông Bội cạnh Bắc chỉ tiếp giáp đến đường đê ấp 3 là hết đất, không còn phần đất nào của thửa 910 ở bên kia đường đê ấp 3 như lời trình bày của ông Đ.

[2.4] Đến ngày 06/02/2020 ông Nguyễn Thành Đ được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần Giuộc cập nhật biến động quyền sử dụng đất đối diện tích còn lại 835m^2 thửa 910 (PCL), tờ bản đồ số 3. Kể từ khi mở rộng đường đê ấp

3 (năm 2001) đến nay phần đất tranh chấp gia đình ông H sử dụng làm ao nuôi cá, trồng cây, xây hàng rào, để bê tông làm lối đi bên ông Đ không có ngăn cản hay tranh chấp gì. Nhà của ông Đ ở đối diện nhà ông H, diện tích phần còn lại của thửa đất 910 và thửa 911 cách nhau bởi con đường đê rộng 9m. Phần diện tích đất tranh chấp gia đình ông Đ không sử dụng và cũng không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến tháng 4 năm 2022 ông Đ cho rằng gia đình ông H lấn chiếm đất phần đất thửa 910 của ông Đ với diện tích 402m^2 loại đất ONT nên khởi kiện yêu cầu trả lại là không có cơ sở chấp nhận, do đó án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ là có căn cứ. Ông Đ kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào mới nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Đ, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận theo Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thành Đ;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, tỉnh Long An.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 175, 189, 191, 197, 199 của Bộ luật Dân sự năm 2015, các Điều 4, 5, 6, 166 của Luật Đất đai năm 2013, Điều 26, Điều 29 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành Đ về việc yêu cầu: ông Võ Văn H, bà Nguyễn Thị T trả cho ông Nguyễn Thành Đ là 94m^2 đất thuộc một phần thửa đất 911; anh Võ Toàn N trả cho ông Nguyễn Thành Đ diện tích 100m^2 đất ONT thuộc một phần thửa đất 2427; anh Võ Hoàng L trả cho ông Nguyễn Thành Đ diện tích 103m^2 đất ONT thuộc một phần thửa đất 2425 và anh Võ Thanh T trả cho ông Nguyễn Thành Đ 105m^2 đất thổ thuộc một phần thửa đất 2426, tổng diện tích là 402m^2 đất ONT, các thửa đất 2427, 2425 và 2426 được tách ra từ thửa đất 911, tờ bản đồ số 3, đất tại ấp 3, xã Phước Vĩnh Tây, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Thành Đ phải chịu chi phí tố tụng là 18.200.000 đồng chi phí này ông Đ đã nộp đủ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thành Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Thành Đ đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ

thẩm là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004631 ngày 16/6/2022 được chuyển sang án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thành Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm ông Đ đã nộp theo biên lai thu số 0011882 ngày 24/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

5. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Phúc